

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán giải tích

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Quý Mười

2. Ngày tháng năm sinh: 20/01/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Quảng Trung, Thị xã Ba đồn, Tỉnh Quảng Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 175 Kỳ Đồng, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, 459 Tôn Đức Thắng, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904169124;

E-mail: pqmuoi@ued.udn.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 05,2004 đến tháng, năm 09,2005: Giảng viên tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 10,2005 đến tháng, năm 12,2007: Học viên cao học tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ tháng, năm 01,2008 đến tháng, năm 12,2008: Giảng viên tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 01,2009 đến tháng, năm 06,2012: Nghiên cứu sinh tại Center for Industrial Mathematics, University of Bremen, Germany

Từ tháng, năm 07,2012 đến tháng, năm 04,2014: Giảng viên (Tổ trưởng tổ toán giải tích từ 8/2012) tại Khoa

Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 05,2014 đến tháng, năm 01,2016: Nghiên cứu sau tiến sĩ (Research fellow) tại Division of Mathematical Sciences, School of Physical & Mathematical Sciences, Nanyang Technological University, Singapore

Từ tháng, năm 02,2016 đến tháng, năm 03,2017: Giảng viên, Phó trưởng Khoa Toán (Từ 4/2016) tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 04,2017 đến tháng, năm 03,2020: Trưởng phòng tại Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Từ tháng, năm 04,2020 đến tháng, năm 07,2021: Trưởng khoa tại Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 459 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 05 tháng 08 năm 2003, số văn bằng: B0427038, ngành: Sư phạm Toán - Tin, chuyên ngành: Toán Tin; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 10 tháng 06 năm 2008, số văn bằng: 1296/08/TN, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 27 tháng 07 năm 2012, số văn bằng: (không có), ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học bremen, Cộng hòa liên bang Đức

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các phương pháp chính hóa cho bài toán ngược đặt không chính.

- Nghiên cứu bài toán tối ưu không trơn và giải thuật cho bài toán tối ưu xuất hiện trong các phương pháp chính hóa

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Đà Nẵng	2019-2020
2	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Đà Nẵng	2017-2018
3	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Đà Nẵng	2016-2017
4	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng vì có bài báo khoa học đăng trên tạp chí ISI	Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng	2018
5	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng vì có bài báo khoa học “Descent gradient methods for nonsmooth minimization problems in ill-posed problems” được đăng trên tạp chí ISI	Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng	2017
6	Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng vì có bài báo khoa học “Sparsity regularization of the diffusion coefficient identification problem: well-posedness and convergence rates” được đăng trên tạp chí ISI	Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng	2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
----	-------------	-------------------	---------------	-------------------

Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi luôn chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của cơ quan đang công tác; Có phẩm chất đạo đức tốt; Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giảng viên theo Luật giáo dục và Điều lệ trường đại học; Có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình trong công tác, có trách nhiệm với sinh viên và đam mê nghiên cứu khoa học; Có đủ sức khỏe để công tác; Luôn có ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học; đối xử công bằng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học; Có khả năng làm việc nhóm và phát huy được năng lực làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học; Tích cực tham gia các hoạt động do đơn vị tổ chức; Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 16 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016			2	1	90		90/242/126
2	2016-2017			3	1	210	60	270/650.8/196
3	2017-2018			2		90	180	270/495.1/87
03 năm học cuối								
4	2018-2019			2	3	135	165	300/729.4/92
5	2019-2020			1	2	165	105	270/515.9/168

6	2020-2021			2	2	300	240	540/1107.8/240
---	-----------	--	--	---	---	-----	-----	----------------

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa liên bang Đức năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Thị Như Quỳnh		X	X		06/2015 đến 05/2016	Đại học Đà Nẵng	12/05/2016

2	Nguyễn Hạ Vi		X	X		02/2016 đến 12/2016	Đại học Đà Nẵng	19/12/2016
3	Nguyễn Thị Quý Hiếu		X	X		03/2017 đến 11/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017
4	Nguyễn Đức Tới		X	X		03/2017 đến 11/2017	Trường Đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017
5	Nguyễn Thị Liêu Noa		X	X		03/2017 đến 11/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	16/11/2017

6	Đoàn Thị Hoàng Trang		X	X		02/2018 đến 07/2018	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	11/07/2018
7	Đỗ Viết Lân		X	X		02/2018 đến 07/2018	Đỗ Viết Lân	11/07/2018
8	Trần Đoàn Thảo Nguyên		X	X		10/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/06/2019
9	Huỳnh Thị Thanh Huyền		X	X		10/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	19/06/2019

10	Vũ Thị Tường Minh		X	X		05/2019 đến 12/2019	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	31/12/2019
11	Hà Thị Na		X	X		11/2019 đến 04/2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	09/04/2021
12	Huỳnh Đức Vũ		X	X		09/2020 đến 06/2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	26/06/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

1	Bài toán tối ưu không trơn: lý thuyết, một số giải thuật và ứng dụng	CN	B2016-DNA-44-TT, cấp Bộ	01/12/2016 đến 30/11/2018	05/08/2019
2	Bài toán ngược và phương pháp chính hóa thừa	CN	Đ2013-03-40, cấp Cơ sở	01/01/2013 đến 31/12/2013	17/12/2013

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Phương pháp MUSIC xác định vị trí vật tán xạ điểm trong môi trường thuần nhất, đẳng hướng Rn	1	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			24 87-92	02/2008

2	Phương pháp nhân tử hoá xác định vị trí, hình dạng vật tán xạ trong môi trường không thuần nhất Rd(d=2,3)	1	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			27 55-62	08/2008
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
3	Gradient descent for Tikhonov functionals with sparsity constraints: theory and numerical comparison of step size rules	3	Không	Electronic Transactions on Numerical Analysis	Q2 - SCIE IF: 1.475	10	39 437-463	11/2012
4	A step-size selecting rule for soft shrinkage iteration	1	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			6, 67, 117-121	06/2013
5	Semismooth Newton and quasi-Newton methods in weighted ℓ_1 -regularization	4	Có	Journal of Inverse and Ill-Posed Problems	Q3 - SCIE IF: 0.881	4	21, 5, 665-693	07/2013

6	Reconstructing conductivity coefficients based on sparsity regularization and measured data in electrical impedance tomography	1	Có	Inverse Problems in Science and Engineering	Q2 - SCIE <i>IF: 1.464</i>	2	23, 8, 1366-1387	03/2015
7	Sparsity regularization of the diffusion coefficient identification problem: well-posedness and convergence rates	1	Có	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society	Q2 - SCIE <i>IF: 0.867</i>	1	29 1145-1164	09/2015
8	Phương pháp ellipsoid cải tiến và ứng dụng giải bài toán quy hoạch tuyến tính	2	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			9, 94, 99-103	09/2015

9	Một phương pháp chọn điểm khởi đầu trong giải thuật điểm trong cho bài toán quy hoạch tuyến tính	2	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			1, 98, 112-116	01/2016
10	Descent gradient methods for nonsmooth minimization problems in ill-posed problems	4	Có	Journal of Computational and Applied Mathematics	Q1 - SCIE <i>IF: 1.883</i>	3	298 105-122	05/2016
11	Phương pháp sử dụng dãy phụ để giải và sáng tạo các bài toán về dãy số	2	Có	Tạp chí Khoa học và giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – ĐH Đà Nẵng			20, 03, 28-35	09/2016
12	Inverse problems with nonnegative and sparse solutions: algorithms and application to the phase retrieval problem	6	Có	Inverse Problems	Q1 - SCIE <i>IF: 1.858</i>	2	34, 5, 055007	04/2018

13	Applying semismooth newton method to find fixed points of nonsmooth functions of one variable	4	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			6, 127, 37-40	06/2018
14	Constrained sparsity regularization for linear inverse problems on a closed convex set	2	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			7, 128, 85-89	07/2018
15	Some new results in the existence and uniqueness of the solution to the variational inequality problem and its applications	4	Có	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng			31, 05, 1-6	12/2018
16	Ứng dụng phương trình tiếp tuyến để sáng tạo và chứng minh một số bài toán về bất đẳng thức	2	Có	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng			33, 02, 7-16	06/2019

17	Phương pháp tiếp tuyến giải và sáng tạo các bài toán tìm giới hạn hàm số	2	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			18, 1, 68-74	01/2020
18	Convergence of Proximal Algorithms with Stepsize Controls for Nonlinear Inverse Problems and Application to Sparse Non-negative Matrix Factorization	3	Có	Numerical Algorithms	Q1 - SCIE <i>IF: 2.417</i>		85 1255-1279	03/2020
19	A Mollification Method for Backward Time-fractional Heat Equation	3	Không	Acta Mathematica Vietnamica	Q3 - ESCI <i>IF: 0.23</i>	1	45 749-766	06/2020

20	Creating new problems on proving inequalities, finding maximum and minimum values based on the critical properties and tangent inequalities of convex and concave functions	2	Có	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Đà Nẵng			19, 06, 24-28	06/2021
----	---	---	----	---	--	--	---------------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U'V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 ([5] [6] [7] [10] [12] [18])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U'V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)